

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2022/DS-PT
Ngày 06-01-2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất và
yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở
trái pháp luật

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Bà Đinh Thị Mộng Tuyết
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Nguyễn Trung Dũng Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Phước – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 126/2021/TLPT-DS ngày 13 tháng 5 năm 2021 về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 221/2021/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị H, sinh năm 1953; địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lưu Thanh K, sinh năm 1973; địa chỉ: Số T, khóm L, phường T, thị xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: Số K, đường H, khu phố L, phường M, thành phố T, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 28/8/2018), có mặt.

- Bị đơn: Bà Lâm Thị Bạch M (Lâm Bạch M), sinh năm 1954; địa chỉ: Số M, đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Bà Lê Thị Mỹ H – Luật sư của Văn phòng Luật sư V thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Bình Dương, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1928 (chết ngày 15/12/2019).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà H1:

1.1. Bà Vương Ngọc H2, sinh năm 1960; địa chỉ: khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

1.2. Bà Vương Ngọc M1, sinh năm 1954; địa chỉ: Số M, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

1.3. Ông Vương Ngọc Th, sinh năm 1957; địa chỉ: Số H, tổ O, khu phố G, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

1.4. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; địa chỉ: Số J, đường C, tổ P, khu phố E, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị H3, sinh năm 1930; địa chỉ: Số F, khu phố T, phường A, thành phố Th, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Lộc H – Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Võ Thị L – Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T, tỉnh Bình Dương (Văn bản ủy quyền số 2679/QĐ-UBND ngày 01/9/2020), có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn bà Lâm Thị Bạch M; người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2.

- *Người kháng nghị:* Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2021.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Theo Đơn khởi kiện ngày 21 tháng 9 năm 2018, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 25/02/2019 và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Võ Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Lưu Thanh K thống nhất trình bày:*

Vào năm 1998, bà Võ Thị H hiện là người chủ sở hữu hợp pháp căn nhà cấp 4 được xây dựng tại địa chỉ: Số A, đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương nằm trên khuôn viên diện tích đất 200m² (theo đo đạc thực tế là 208,2m²), hiện chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do nhà bà H xây dựng đã lâu xuống cấp trầm trọng nên bà H có yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố T đến đo đạc nhằm mục đích thực hiện việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, và bà H thuê người đến để sửa chữa nhà và xây dựng lại hàng rào trên phần đất hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng.

Tuy nhiên, bà Lâm Thị Bạch M đến ngăn cản nhân viên đo đạc để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng như những người thợ của bà H thuê, không cho thợ của bà H sửa chữa nhà, xây dựng hàng rào trên phần đất mà hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng đất. Vì bà M cho rằng căn nhà và diện tích đất hiện nay bà H đang quản lý, sử dụng là phần đất nằm trong diện tích đất 776m² của bà và được Nhà

nước công nhận thông qua chứng thư là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1070/QSDĐ/PT ngày 20/8/1998, qua lý giải của bà M nêu trên, bà H khẳng định diện tích đất khoảng 200m², hiện có căn nhà cấp 4 mà bà H xây dựng từ năm 1998 là phần diện tích đất thân tộc của bà giao cho bà được toàn quyền quản lý, sử dụng. Nay nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

+ Yêu cầu bà Lâm Thị Bạch M chấm dứt hành vi ngăn cản việc đo đạc, thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sửa chữa nhà và xây dựng hàng rào của bà Võ Thị H đối với nhà, đất tọa lạc tại Số A, đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

+ Công nhận căn nhà gắn liền với diện tích đất khoảng 208,2m², tọa lạc tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của bà Võ Thị H.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn, nguyên đơn không đồng ý.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn yêu cầu công nhận phần đất 193,8m² cho nguyên đơn để nguyên đơn được quyền đăng ký, kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật. Đối với phần đất thổ mộ với tổng diện tích 14,4m² (gồm có 03 ngôi mộ) thì đề nghị tiếp tục tạm giao cho nguyên đơn được quyền quản lý, sử dụng.

- *Tại Đơn phản tố ngày 25/10/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Lâm Thị Bạch M trình bày:*

Vào năm 1987, bà Lâm Thị Bạch M có mua của ông Nguyễn Thái H8 khu đất tọa lạc tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đến năm 1991, bà M được Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ trắng) số 1455/GCN-SB. Đến năm 1998, bà M cấp đổi lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sổ đỏ) số 1070/QSDĐ/PT. Bà M đã cất nhà ở và sử dụng khu đất này ổn định liên tục từ năm 1987 cho đến nay.

Vào năm 1997, bà H là bà con xa của bà M có đồng ý cho bà H cất một cái chòi tạm ở một góc khu đất của bà M, trong quá trình sử dụng thì bà H lấy lý do để chống ngập nước nên đã xây dựng nhà bằng tường gạch. Vì là chỗ tình cảm nên bà M đồng ý cho bà H xây dựng. Thế nhưng, sau đó bà H đã tự ý coi nới, xây dựng thêm nhà tắm để mở rộng khuôn viên, bà M không đồng ý nên đôi bên phát sinh tranh chấp.

Ngày 24/8/2000, Ủy ban nhân dân thị xã (nay là thành phố) T đã ban hành giải quyết tranh chấp số 214/QĐ.UB để giải quyết yêu cầu khiếu nại của bà H, theo đó thì Ủy ban nhân dân đã bác yêu cầu của bà H, đồng thời xác định khu đất mà hai bên tranh chấp là đất công, sau đó thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã giải quyết lại vụ việc với nội dung cũng bác yêu cầu khiếu nại của bà H, đồng thời tạm giao cho bà M được quyền quản lý, sử dụng khu đất (Quyết định số 2989/QĐ.CT ngày 10/8/2001 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương).

Tại Quyết định giải quyết số 214/QĐ.UB ngày 24/8/2000 thì Ủy ban nhân dân thành phố đã bác yêu cầu của bà Võ Thị H về việc yêu cầu lấy lại khu đất, điều này đồng nghĩa với việc Nhà nước không thừa nhận quyền sở hữu của bà H. Sau đó, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã giữ nguyên nội dung giải quyết như vậy. Đồng thời tại Quyết định số 2989/QĐ.CT, Chủ tịch đã tạm giao cho bà M được quyền quản lý sử dụng phần đất diện tích 58m². Thế nhưng, sau đó bà H vẫn cố tình

không chấp hành theo các nội dung mà Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương đã giải quyết. Nay, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H phải tháo dỡ căn nhà cấp 4, tọa lạc tại đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Vụ việc tranh chấp trên của bà M và bà H đã được giải quyết bằng một quyết định có hiệu lực pháp luật. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương cũng đã xác định khu đất này là khu đất công, như vậy bà H không có quyền khởi kiện vụ việc này.

Từ những phân tích trên, nguyên đơn đề nghị Tòa án căn cứ Điều 186, điểm c khoản 1 Điều 192, điểm g khoản 1 Điều 217 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để đình chỉ giải quyết vụ án.

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 gồm:

+ Bà Vương Ngọc H2 trình bày:

Bà là con của bà Nguyễn Thị H1, bà H1 đã mất năm 2019, cha của bà H1 là ông Nguyễn Văn B mất năm 1937 và mẹ của bà H1 đã mất năm 1937, chồng của bà H1 tên Vương Ngọc H6 đã mất năm 1962.

Trên phần đất có tranh chấp có 04 ngôi mộ. Trong đó, gia đình bà có 03 ngôi mộ (02 mộ đá, 01 mộ xi măng), gồm mộ của ông ngoại bà là ông Nguyễn Văn B, mộ bà ngoại bà là bà Võ Thị Th và mộ của ông Vương Ngọc Q là anh của bà. Những ngôi mộ trên hiện nay do bà trực tiếp thờ cúng. Phần đất tranh chấp giữa bà Võ Thị H và bà Lâm Thị Bạch M, là của gia tộc bà với bà H. Đối với việc tranh chấp giữa bà Võ Thị H với bà Lâm Thị Bạch M, bà không có ý kiến gì, đối với những ngôi mộ trên phần đất tranh chấp thì bà đề nghị được giữ lại.

+ Ông Vương Ngọc Th trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200m² tọa lạc tại khu phố 5, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ: Mộ của ông Võ Văn Ch (chồng của bà Nguyễn Thị H3), bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị Th (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc Th, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông B và bà Th. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H). Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì ông không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì ông sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

+ Bà Vương Ngọc M1 trình bày:

Bà không có họ hàng gì với bà Lâm Thị Bạch M, còn với bà Võ Thị H với bà là cùng chung ông cố là ông Nguyễn Văn Ph. Nguồn gốc của đất tranh chấp là của thân tộc bà và bà Võ Thị H. Trên phần đất có 03 ngôi mộ gồm, mộ của ông ngoại bà là ông Nguyễn Văn B, mộ bà ngoại bà là bà Võ Thị Th và mộ của ông Vương Ngọc Q là anh của bà. Với phần đất tranh chấp của nguyên đơn và bị đơn thì bà thống nhất với ý kiến của nguyên đơn bà Võ Thị H, đề nghị Tòa án công nhận phần đất cho bà H. Đối với 03 ngôi mộ trên đất thì đề nghị cho bà được giữ lại.

+ Ông Nguyễn Văn L trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200m² tọa lạc tại khu phố 5, phường Phú Thọ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ, mộ của ông Võ Văn Ch (chồng của bà Nguyễn Thị H3), bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị Th (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc Th, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông Bính và bà Thừa. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H. Về nguồn gốc đất tranh chấp, ông xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì ông không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì ông sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 trình bày:

Phần diện tích đất tranh chấp hơn 200m² tọa lạc tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trên đất có 01 căn nhà cấp 4 do bà Võ Thị H xây dựng để ở từ năm 1998 đến nay. Trên phần đất có 04 ngôi mộ, mộ của ông Võ Văn Ch (chồng của bà). Bà Võ Thị H vai cháu có quan hệ là chú ruột. Mộ của ông Nguyễn Văn B, mộ bà Võ Thị Th (bà Vương Ngọc H2, bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc Th, ông Nguyễn Văn L là cháu ngoại của ông B và bà Th. Bà Võ Thị H là vai cháu. Mộ của ông Vương Ngọc Q vai anh của bà Võ Thị H). Về nguồn gốc đất tranh chấp, bà xác định là đất của thân tộc bà H, tặng cho bà H trực tiếp quản lý, sử dụng từ năm 1998 đến nay và đối với diện tích đất tranh chấp thì bà không có quyền lợi gì trong vụ án. Riêng đối với phần mộ, trong trường hợp Tòa án công nhận diện tích đất cho ai thì bà sẽ liên hệ với người đó để giải quyết phần mộ theo quy định của pháp luật. Đề nghị Tòa án giải quyết để đảm bảo quyền lợi của bà Võ Thị H.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương:

Ủy ban nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương không có văn bản trình bày ý kiến và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị H về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất và yêu cầu chấm dứt hành vi cản trở trái pháp luật” đối với bị đơn bà Lâm Thị Bạch M như sau:

- Nguyên đơn bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng và đăng ký kê khai đối với diện tích đất 193,8m² (trong đó: Phần diện tích nhà là 28,5m²; phần diện tích đất trống là 165,3m²).

- Tạm giao cho nguyên đơn bà Võ Thị H được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất thổ mộ có tổng diện tích 14,4m² (gồm 04 ngôi mộ với diện tích 6,5m²; 1,4m²; 3m² và 3,5m²).

(Có sơ đồ kèm theo).

- Buộc bị đơn bà Lâm Thị Bạch M phải chấm dứt hành vi cản trở nguyên đơn bà Võ Thị H trong việc thực hiện các quyền hợp pháp của chủ sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Lâm Thị Bạch M đối với nguyên đơn bà Võ Thị H về việc yêu cầu tháo dỡ căn nhà có diện tích 28,5m² (có sơ đồ kèm theo).

Ngoài ra bản án còn quyết định về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 05/3/2021, bị đơn bà Lâm Thị Bạch M kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, nội dung giải quyết thiếu khách quan, ảnh hưởng quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và các đương sự khác.

Ngày 07/4/2021, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm tạm giao 04 ngôi mộ, trong đó có 03 ngôi mộ là mộ ông bà ngoại và anh ruột của bà H2 cho bà H là không đúng với yêu cầu của bà H2 nên bà H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, giao 03 ngôi mộ cho bà H2 quản lý.

Ngày 17/3/2021, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương ban hành Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS đối với bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng, không đưa những người trong thân tộc bà H vào tham gia tố tụng để lấy lời khai làm rõ ý kiến về quyền sử dụng đất bà H có tranh chấp mà công nhận quyền sử dụng đất cho bà H là ảnh hưởng trực tiếp quyền và lợi ích của những người trong thân tộc bà H; Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất làm rõ nguồn gốc đất; bị đơn có yêu cầu phản tố, yêu cầu của bị đơn không rõ ràng nhưng không hướng dẫn bị đơn sửa đổi, bổ sung đơn yêu cầu phản tố. Tại phiên tòa, bị đơn yêu cầu nguyên đơn trả lại diện tích 58m² nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, thẩm định tại chỗ đối với diện tích 58m² là nằm vị trí nào trong diện tích 208,2m²; bị đơn phản tố yêu cầu 58m² nhưng Tòa án chỉ tuyên không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn với diện tích 28,5m² là giải quyết chưa hết yêu cầu phản tố của bị đơn.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Lâm Thị Bạch M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2 vẫn giữ yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương vẫn giữ Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Các đương sự không tự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Lâm Thị Bạch M trình bày quan điểm tranh luận: Với những chứng cứ tại hồ sơ thì chưa đủ cơ sở để xác định phần đất tranh chấp là của thân tộc bà H, Tòa án cấp sơ thẩm chưa xác định được tổng diện tích đất bà M đang sử dụng có bao nhiêu m² thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà M, có bao nhiêu m² bà M đang sử dụng nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; chưa xác định vị trí các phần đất bà M bị thu hồi, tại sao đất đã bị thu hồi mà các cạnh tiếp giáp đường 30/4 vẫn còn nhiều hơn lúc chưa bị thu hồi, lý do vì sao bà M dư đất để cho rằng đất tranh chấp là thuộc quyền sử dụng

của thân tộc bà H; dựa vào Giấy ủy quyền ngày 20/4/1999 nhưng trong nội dung ủy quyền không có nội dung nào thể hiện bà H được tặng cho phần đất này để công nhận quyền sử dụng đất cho bà H; không tiến hành thu thập chứng cứ để làm rõ phần đất tranh chấp có nằm trong phần đất thuộc quyền sử dụng của ông P đã ủy quyền cho ông T theo Trích lục địa bộ số 1357 ngày 20/4/1974 hay không đã cho rằng đất này có nguồn gốc thân tộc bà H; không làm rõ những người trong thân tộc bà H gồm những ai, ý kiến những người này liên quan đến yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu phân tố của bị đơn như thế nào, không đưa ông T vào tham gia tố tụng là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Như vậy, việc thu thập, xác minh chứng cứ của Tòa án cấp sơ thẩm chưa được thực hiện đầy đủ, có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với yêu cầu phân tố của bị đơn là vi phạm Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự trình bày mâu thuẫn với nhau về nguồn gốc đất nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành đối chất giữa các đương sự là vi phạm Điều 100 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà H cho rằng đất có nguồn gốc của ông P cho ông T bị đơn cho rằng đất công, hoang hóa không có chủ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành xác minh nguồn gốc đất thể hiện đất có nguồn gốc của thân tộc bà H mà không xác định thân tộc bà H gồm những ai, không lấy lời khai ông T để làm rõ nguồn gốc đất tranh chấp, đất tranh chấp có được đăng ký, kê khai trong quá trình sử dụng đất hay không. Đồng thời, tại các Giấy ủy quyền lập ngày 20/4/1999, ngày 10/7/2000 chỉ thể hiện những người trong thân tộc bà H gồm ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Võ Văn L, bà Trương Thị D và bà Nguyễn Thị H1 đồng ý giao diện tích đất khoảng 200m², trên đất có căn nhà cấp 4 do bà H xây dựng diện tích khoảng 22m² cho bà H quản lý, sử dụng để trông coi mồ mả trong thân tộc chứ không giao trọn quyền sở hữu, sử dụng cho bà H. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chưa làm rõ tại thời điểm lập Giấy ủy quyền ngày 20/4/1999 thì ý chí của ông T là cho bà H toàn quyền sở hữu đối với diện tích đất tranh chấp hay chỉ cho ở để trông coi mồ mả trong thân tộc; ý kiến của ông T đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn như thế nào. Việc công nhận hay không công nhận diện tích 193,8m² hiện nay bà H đang tranh chấp có liên quan đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T nên cần đưa ông T vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Ngoài ông T, Tòa án cũng chưa lấy lời khai của những người ký tên trong “Biên bản họp thân tộc” cũng lập năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ ngày 10/7/2000 là thiếu sót, ảnh hưởng trực tiếp đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng nghị, kháng cáo, hủy bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 gồm bà Vương Ngọc M1, ông Vương Ngọc Th và ông Nguyễn Văn L; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân thành phố T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Riêng đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người có tên trên theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn bà Võ Thị H khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Lâm Thị Bạch M chấm dứt hành vi ngăn cản việc đo đạc, thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, sửa chữa nhà và xây dựng hàng rào của bà Võ Thị H đối với nhà, đất tại số A, đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương; công nhận căn nhà gắn liền với diện tích đất theo kết quả đo đạc thực tế là 193,8m² tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương thuộc quyền sở hữu và quyền sử dụng của và Võ Thị H; bà H được quyền quản lý, sử dụng đối với phần đất thổ mộ có tổng diện tích 14,4m².

[3] Bị đơn không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Võ Thị H phải tháo dỡ căn nhà cấp 4 tại đường B, khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

[4] Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà H2, ông Thành, bà M1, ông L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H3 không có ý kiến đối với tranh chấp giữa bà H và bà M. Tuy nhiên, đối với các ngôi mộ trên đất, đề nghị được giữ lại diện tích mộ cho các ông, bà.

[5] Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Phần diện tích đất tranh chấp 208,2m² tại khu phố C, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, trong đó diện tích nhà 26,5m², diện tích 04 ngôi mộ 14,4m² có nguồn gốc của thân tộc bà H. Theo chứng cứ nguyên đơn cung cấp là Giấy ủy quyền ngày 20/4/1999 (bút lục 05) thể hiện ông Nguyễn Văn T thừa kế đất ông Nguyễn Văn P, đồng ý giao cho cháu Võ Thị H phần đất khoảng 200m² đất mồ mả, trong đó có 22m² cất nhà buôn bán do Võ Thị H xây dựng, trong coi mồ mả ông bà thân tộc. Tại Biên bản họp thân tộc năm 1999 có xác nhận của Ủy ban nhân dân phường Phú Thọ ngày 10/7/2000 (bút lục 33) thể hiện bà Nguyễn Thị Dâu, bà Nguyễn Thị B, bà Nguyễn Thị H1, ông Nguyễn Văn Ưng và ông Nguyễn Văn Lục là con cháu trong thân tộc của ông Nguyễn Văn P, đồng ý ủy quyền cho bà H là hàng thứ 03 đại diện cho thân tộc để giải quyết tất cả sự việc tranh chấp liên quan đến Ủy ban nhân dân các cấp để giải quyết đất mồ mả trong thân tộc và giao lại cho bà H quản lý trong coi mồ mả của thân tộc tại diện tích trên dưới 200m² đang quản lý, sử dụng và luôn phần diện tích đất còn lại mà bà M lấn chiếm. Như vậy, ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị B, ông Võ Văn L, bà Trương Thị D và bà Nguyễn Thị H1 chỉ đồng ý giao diện tích đất khoảng 200m², trên đất có căn nhà cấp 4 do bà H xây dựng diện tích khoảng 22m² cho bà H quản lý, sử dụng để trông coi mồ mả trong thân tộc chứ không giao toàn quyền đối với quyền sử dụng đất trên cho bà H. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa những người có tên trên vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để làm rõ ý kiến của những người này đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đã vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. Đồng thời, cần làm rõ ngoài những người có tên, thì thân tộc bà H còn có những ai để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 01/2020/NQ-HĐTP ngày 05/3/2020 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết tranh chấp về tài sản chung của dòng họ.

[6] Quá trình tố tụng, bà M có đơn phản tố (bút lục 61- 63) yêu cầu bà H tháo dỡ căn nhà cấp 4, yêu cầu phản tố của bà M không rõ về nội dung yêu cầu, Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành thụ lý yêu cầu phản tố như trên nhưng khi xem xét, thẩm định tại chỗ, không thẩm định đối với phần yêu cầu phản tố của bị đơn là vi phạm Điều 101 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[7] Với những phân tích trên, yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Bạch M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2 là có căn cứ.

Ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ.

Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2021 của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương và quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tại phiên tòa về việc hủy bản án dân sự sơ thẩm là có căn cứ.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn nộp theo Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự,
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn bà Lâm Thị Bạch M và người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H1 là bà Vương Ngọc H2.

2. Chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tại Quyết định kháng nghị số 18/QĐKNPT-VKS-DS ngày 17/3/2021.

3. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2021/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: Người kháng cáo được miễn nộp án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Dầu Một;
- TAND thành phố Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: HCTP, HSVA, Tòa Dân sự.

Đinh Thị Mộng Tuyết